

Di cư, di biến động và sốt rét ở Campuchia

(một nghiên cứu về hoạt động của người dân liên quan đến chiến lược phòng chống và loại trừ sốt rét)

1. Đặt vấn đề

Các mối quan hệ giữa hoạt động của con người (Human population movement - HPM) và sức khỏe là mối quan tâm ở mức độ toàn cầu. Trong các trường hợp mắc bệnh sốt rét, chính các mối quan hệ này quyết định sự lan truyền ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc và việc loại trừ bệnh sốt rét ở khu vực tiểu vùng sông Mekông (GMS) và các khu vực khác. Dân di cư và di biến động (Mobile and migrant populations - MMP), những người đang tham gia vào các hoạt động liên quan đến rừng đều có nguy cơ cao bị nhiễm bệnh sốt rét và việc nhận thuốc và điều trị không đạt tiêu chuẩn do khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế bị hạn chế. Ở Campuchia, trong năm 2012, chương trình phòng chống sốt rét quốc gia (National Malaria Control Programme - NMCP) xác định, việc phòng chống sốt rét cho các đối tượng di cư và di biến động này là một mục tiêu quan trọng, cần phải có một chiến lược cụ thể cho MMP để giải quyết những thách thức này. Một khuôn khổ hoạt động của người dân (Population movement framework - PMF) đối với bệnh sốt rét đã được xây dựng và đưa vào hoạt động nhằm góp phần vào chiến lược phòng chống và loại trừ sốt rét.

Các câu hỏi nghiên cứu được đưa ra như sau:

1. Sự khác biệt về mô hình di biến động trong các nhóm dân cư sinh sống và/hoặc làm việc trong hoặc gần vùng rừng là gì?
2. Các rủi ro và các nguy cơ khác nhau liên quan đến hoạt động công việc khác nhau và các mô hình di biến động là gì?
3. Nguy cơ mắc sốt rét và cách tiếp cận các dịch vụ y tế bị ảnh hưởng bởi các hoạt động công việc và mô hình di biến động như thế nào?
4. Một hệ thống phân loại nguy cơ mắc sốt rét có thể được xây dựng để hướng dẫn các chiến lược can thiệp?

2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành hồi cứu số liệu đã công bố và chưa công bố. Dựa trên sự tổng hợp các kết quả, thông tin đã được trình bày và thảo luận với các nhà nghiên cứu có kinh nghiệm và các nhà quản lý chương trình quốc gia phòng chống sốt rét của Campuchia để đi đến việc xây dựng và cải tiến khuôn khổ hoạt động của người dân (PMF) cho việc phòng chống sốt rét. Các khuôn khổ đã được "kiểm tra" các nội dung bằng cách phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia trong nước thông qua hội thảo.

Quá trình xây dựng khuôn khổ hoạt động của người dân (2012-2014) bao gồm các bước sau:

Bước 1. Hồi cứu số liệu đã được công bố và chưa công bố về sốt rét và MMP, và can thiệp có chủ đích đến các đối tượng này ở Campuchia.

Bước 2. Phân tích và tổng hợp thông tin.

Bước 3. Trình bày và thảo luận về các kết quả ban đầu tại một hội thảo cùng nhau xây dựng với các chuyên gia để xác định các rủi ro, nguy cơ chính.

Bước 4. Xây dựng các thành phần và các chỉ số về khuôn khổ hoạt động của người dân.

Bước 5. Trình bày các khuôn khổ hoạt động của người dân để các chuyên gia đóng góp ý kiến và nội dung có giá trị.

3. Kết quả

Theo số liệu, hoạt động của con người (HPM) đã được mô tả theo cả phương diện không gian và thời gian khác nhau trong bối cảnh lan truyền ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc, và trong bối cảnh loại trừ bệnh sốt rét trước khi phân loại dân di cư và di biến động (MMP) ở Campuchia và GMS bằng cách dựa trên một số tiêu chí khác nhau. Các mô hình khuôn khổ hoạt động của người dân (PMF) được xây dựng trước, sau đó được điều chỉnh và xây dựng lại cho phù hợp với các thông tin thu thập được từ MMP, từ các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu thực địa ở Campuchia.

Các mô hình khuôn khổ hoạt động của người dân (PMF) bao gồm tiểu sử hoạt động của MMP và chỉ số rủi ro mắc sốt rét, chỉ số này là kết quả của ba chỉ số liên quan: một chỉ số nguy cơ, một chỉ số phơi nhiễm và một chỉ số tiếp cận, chúng cho phép đánh giá mức độ nguy cơ mắc sốt rét trong dân di cư và di biến động. Từ các dữ liệu hiện có so sánh với khuôn khổ hoạt động của người dân (PMF) cho thấy dân số có nguy cơ mắc sốt rét cao nhất là những người dân di biến động tham gia công việc liên quan đến rừng.

Các kết quả nghiên cứu về các chỉ số này được thể hiện ở các bảng sau:

Bảng 1 Các kiểu hoạt động của dân cư

Phân loại dân cư		Dân địa phương		Dân di biến động		Dân di cư	
Phân loại hoạt động		Chu kỳ (< 6 tháng)				Di trú (> 6 tháng)	
Tần số hoạt động		Hàng ngày (Không qua đêm)		Theo chu kỳ (lên đến 1 tuần)	Theo mùa vụ (từ 1 tuần đến 6 tháng)	Không thường xuyên	Dài hạn
<i>Khoảng cách</i>							
<i>Khoảng cách ngắn</i> Trong xã – vùng sốt rét < 10 Km	Từ làng đến chân đồi	Nuôi trồng, đồn điền	Nuôi trồng, đồn điền	Nuôi trồng, đồn điền		Nuôi trồng, đồn điền	Định cư nơi mới Doanh nghiệp nhỏ (Cửa hàng)
	Từ làng đến rừng núi	Nuôi trồng, săn bắn, thu lâm sản, đánh cá, đốn gỗ	Nuôi trồng, săn bắn, thu lâm sản, đánh cá, đốn gỗ	Nuôi trồng, săn bắn, thu lâm sản, đánh cá, đốn gỗ		Nuôi trồng, đồn điền	Định cư nơi mới Doanh nghiệp nhỏ (Cửa hàng)
<i>Khoảng cách trung bình</i> Trong tỉnh – vùng sốt rét thường xuyên (10 – 100 Km)	Từ làng đến chân đồi		Nuôi trồng, đồn điền	Nuôi trồng, đồn điền		Nuôi trồng, đồn điền	Định cư nơi mới
	Từ làng đến rừng núi		Săn bắn, đốn gỗ, đánh cá, bộ đội, kiểm lâm	Săn bắn, đốn gỗ, đánh cá, bộ đội, kiểm lâm Thi công đập/đường, khai thác mỏ	Săn bắn, đốn gỗ, đánh cá, bộ đội, kiểm lâm Thi công đập/đường, khai thác mỏ		
<i>Khoảng cách dài</i> Tỉnh khác – vùng sốt rét quanh năm > 100 kms	Từ làng đến chân đồi		Thăm họ hàng, khách du lịch	Nuôi trồng, đồn điền		Nuôi trồng, đồn điền	Định cư nơi mới, kinh doanh
	Từ làng hoặc thành thị đến rừng núi		Nuôi trồng, đồn điền, Săn bắn, đốn gỗ, đánh cá, bộ đội, kiểm lâm	Săn bắn, đốn gỗ, đánh cá, bộ đội, kiểm lâm, Thi công đập/đường, khai thác mỏ	Săn bắn, đốn gỗ, đánh cá, bộ đội, kiểm lâm Thi công đập/đường, khai thác mỏ		Săn bắn, đốn gỗ, đánh cá

Khuôn khổ hoạt động của người dân (PMF) được xây dựng nhằm xác định yếu tố dịch tễ sốt rét ở đối tượng MMP dựa trên tình trạng di biến động, di cư và các hoạt động chính của họ liên quan đến rừng

Bảng 2. Tiểu sử hoạt động của dân MMP

Tiểu sử	Các hoạt động	Ví dụ
<i>Lao động thời vụ</i>	Các hoạt động nông nghiệp diễn ra trong quá trình trồng (cuối mùa khô) và thu hoạch (cuối mùa mưa), thường ở chân đồi / đồng bằng / thung lũng	Nuôi trồng, các đồn điền cao su hoặc sản bản
<i>Công nhân xây dựng / khai thác mỏ</i>	Các hoạt động liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác mỏ ở khu vực rừng, thường là ở vùng rừng núi/đồi/thung lũng	Xây đập hoặc đường, Khai thác mỏ vàng hoặc đá quý
<i>Công nhân lâm nghiệp</i>	Các hoạt động trong khu vực rừng rậm và những khu hẻo lánh của những nhóm di biến động, thường là ở vùng rừng núi/đồi	Thu thập các lâm sản, sản bản, khai thác gỗ, đánh cá
<i>Nhân viên an ninh</i>	Các hoạt động liên quan đến tuần tra tại khu vực biên giới rừng, bao gồm cả quân đội, cảnh sát, các đơn vị tuần tra biên giới	
<i>Khách tham quan</i>	Du lịch, thăm thân nhân thời gian có thể lên đến một tuần ở khu vực trong hoặc gần rừng	Sự kiện gia đình, ngày lễ quốc gia, du lịch sinh thái

Các thành phần khuôn khổ mô tả tiểu sử hoạt động của MMP được xây dựng dựa trên việc phân tích phạm vi hoạt động thực sự của các nhóm và cá nhân làm việc ở khu vực bìa rừng hay trong rừng.

Bảng 3. Chỉ số nguy cơ

	Dân địa phương	Dân di biến động	Dân di cư
Định nghĩa	Thời gian cư trú hơn một năm tại địa phương	Thời gian cư trú dưới 6 tháng	Thời gian cư trú từ 6 tháng đến 1 năm
Nơi cư trú chính	Thôn/nhà	Trang trại, đồn điền, công ty, bán dạo...	Thôn/nhà
Các yếu tố sinh học			
<i>Tình trạng miễn dịch</i>	Thấp đến trung bình	Không hoặc thấp	Không hoặc thấp
<i>Điểm số về miễn dịch</i>	2	3	3
Các yếu tố kinh tế			
<i>Điều kiện kinh tế</i>	Thấp đến trung bình	Thấp	Thấp đến trung bình
<i>Điểm số về kinh tế</i>	2	3	2
Các yếu tố xã hội			
<i>Kiến thức về sốt rét/dịch vụ sức khỏe</i>	Trung bình đến cao	Thấp	Thấp đến trung bình
<i>Điểm số về kiến thức</i>	1	3	2
Chỉ số nguy cơ	5	9	7

Các chỉ số nguy cơ là tổng của điểm số miễn dịch, điểm số kinh tế và điểm số kiến thức. Các chỉ số nguy cơ nhằm đại diện cho các mức độ khác nhau về nguy cơ mắc sốt rét

giữa các kiểu dân MMPs khác nhau (dân di biến động, dân di cư, dân địa phương), giả định rằng thời gian sống ở nơi mới đến sẽ ảnh hưởng tới mức độ nguy cơ

Bảng 4. Chỉ số phơi nhiễm

	Công nhân lâm nghiệp (Forest workers- FW)	Công nhân xây dựng (Construction workers - CW)	Nhân viên an ninh (Security personnel-SP)	Lao động thời vụ (Seasonal workers - SW)	Khách tham quan (Visitors - V)
Các hoạt động chính	Thu thập lâm sản, đánh bắt cá, săn bắn, khai thác gỗ	Xây đập, đường, khai thác mỏ	Tuần tra	Nuôi trồng, đồn điền	
Các kiểu dân cư	địa phương, di biến động, di cư	di biến động, di cư	di biến động, di cư	địa phương, di biến động, di cư	di biến động
Khu vực làm việc	Rừng núi, đồi rừng	Rừng núi, đồi rừng	Bìa rừng	Chân đồi, đồng bằng, đồi núi	
Điểm số về vị trí rừng	3	3	3	2	2
Kiểu nhà ở	Liều trại, không	Chòi, doanh trại, lều	Chòi, doanh trại, lều	Chòi, lều	Nhà gỗ hoặc bê tông
Điểm số về kiểu nhà ở	3	2	2	2	1
Sử dụng các biện pháp phòng chống	rất thấp	Thấp	Từ thấp đến trung bình	Thấp	Trung bình
Điểm số về các biện pháp phòng chống	3	2	2	2	1
Chỉ số phơi nhiễm	9	7	7	6	4

Chỉ số phơi nhiễm: Nguy cơ phơi nhiễm đối với sốt rét liên quan đến năm ngành nghề/hoạt động

Ở Campuchia, nguy cơ mắc sốt rét chủ yếu phụ thuộc vào cường độ, thời gian và tần số của sự tương tác với khu rừng, và nguy cơ này chủ yếu là các loại hoạt động liên quan đến rừng. Căn cứ vào báo cáo và kinh nghiệm thực địa ở Campuchia, chỉ số phơi nhiễm với sốt rét do muỗi nhiễm ký sinh trùng sốt rét đốt và ba nguy cơ dễ bị muỗi đốt: địa điểm làm việc liên quan đến rừng; kiểu nhà ở; quyền sở hữu và sử dụng các biện pháp phòng chống muỗi

Bảng 5. Chỉ số tiếp cận

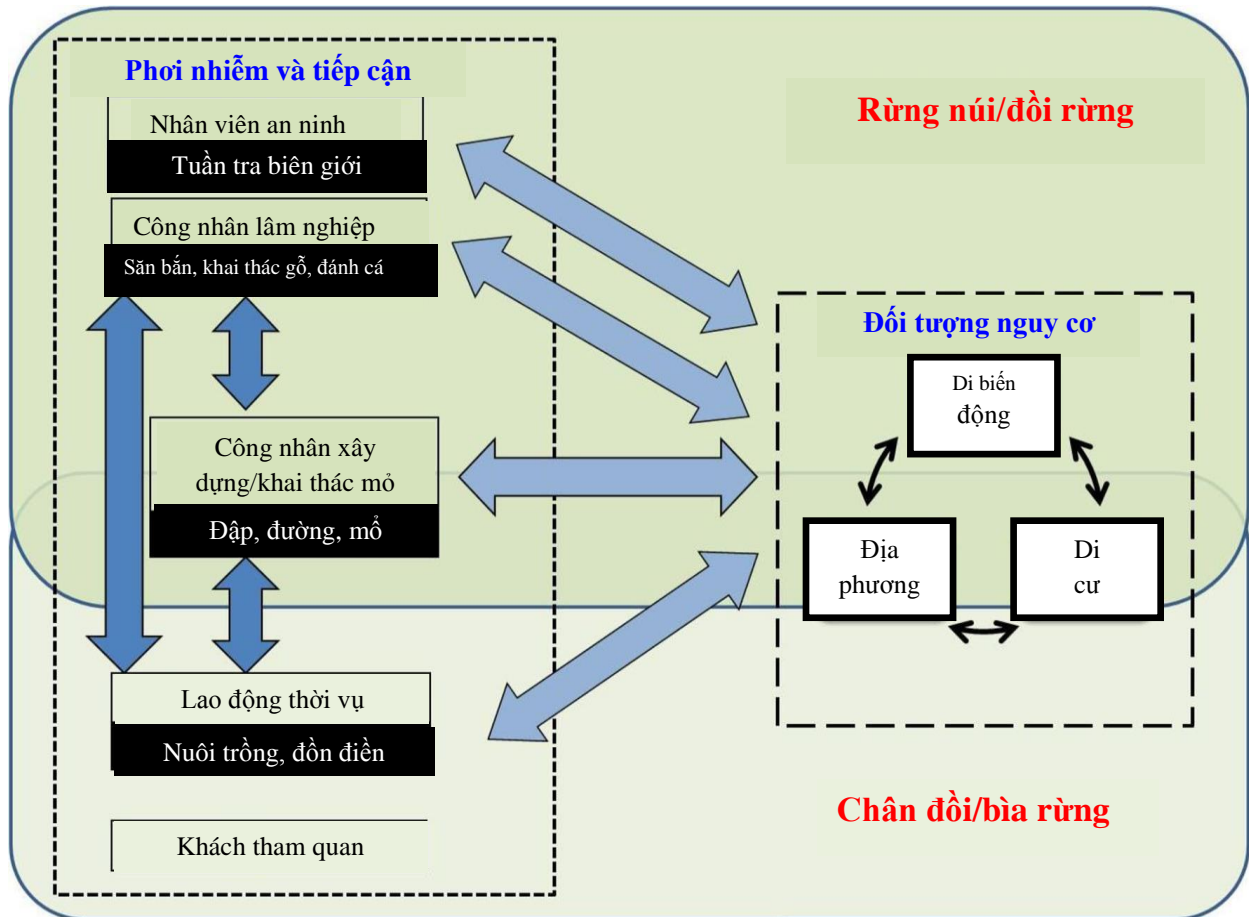
	Công nhân lâm nghiệp (FW)	Công nhân xây dựng (CW)	Nhân viên an ninh (SP)	Lao động thời vụ (SW)	Khách tham quan (V)
Các hoạt động chính	Thu thập lâm sản, đánh bắt cá, săn bắn, khai thác gỗ	Xây đập, đường, khai thác mỏ	Tuần tra	Nuôi trồng, đồn điền	
Các kiểu dân cư	Địa phương, di biến động, di cư	Di biến động, di cư	Di biến động, di cư	Địa phương, di biến động, di cư	Di biến động
Khu vực làm việc	Rừng núi, đồi rừng	Rừng núi, đồi rừng	Bìa rừng	Chân đồi, đồng bằng, đồi núi	Không cố định
Khu vực làm việc xa xôi	Xa	Từ xa đến trung bình	Xa	Trung bình	Gần
Điểm số về khu vực làm việc xa xôi	3	3	3	2	1
Địa điểm làm việc	Biến động	Cố định	Bán biến động	Cố định	Cố định
Địa điểm làm việc biến động	Cao	Trung bình	Trung bình - cao	Trung bình	Thấp
Điểm số về địa điểm làm việc biến động	3	2	2	2	1
Mối liên hệ	Không hoặc người dân địa phương	Công ty	Chính quyền địa phương; căn cứ quân sự	Chủ trang trại / công ty	Thôn, nhà khách/khách sạn
Tiếp cận thông qua mối liên hệ	Thấp	Thấp – Trung bình	Trung bình	Trung bình - Cao	Trung bình - Cao
Điểm số về tiếp cận thông qua mối liên hệ	3	2	2	2	1
Chỉ số tiếp cận	9	7	7	6	3

Chỉ số tiếp cận được xây dựng dựa trên khả năng tiếp cận địa lý, cả về mặt tiếp cận của cá nhân để cung cấp dịch vụ y tế (nhu cầu) cũng như khả năng của các nhà cung cấp dịch vụ y tế đến cá nhân (cung cấp)

Bảng 6. Chỉ số nguy cơ mắc sốt rét của dân di cư và di biến động (MMP)

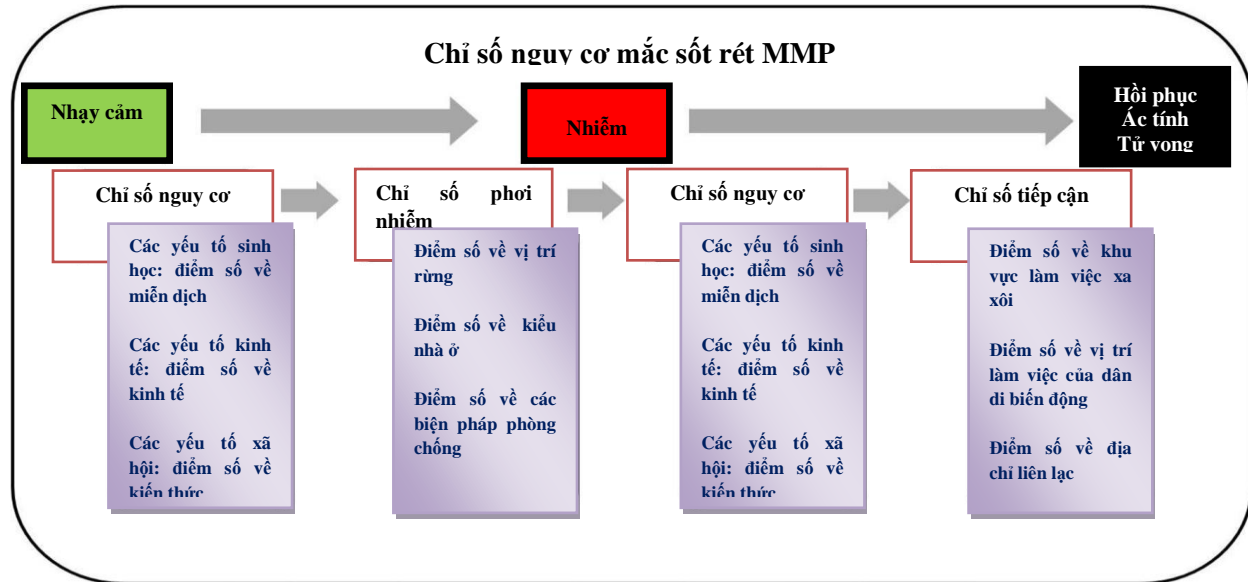
Chỉ số nguy cơ								
		Điểm số	Dân di biến động	Dân di cư	Dân địa phương	Điểm số		
			9	7	5			
Chỉ số phơi nhiễm	Công nhân lâm nghiệp	9	27	25	23	9	Công nhân lâm nghiệp	Chỉ số tiếp cận
	Công nhân xây dựng	7	23	21	19	7	Công nhân xây dựng	
	Nhân viên an ninh	7	23	21	19	7	Nhân viên an ninh	
	Lao động thời vụ	6	20	18	16	5	Lao động thời vụ	
	Khách tham quan	4	16	14	12	3	Khách tham quan	

Theo số liệu này, các điểm số nguy cơ dễ mắc sốt rét cao nhất là công nhân lâm nghiệp di biến động, tiếp theo là công nhân lâm nghiệp di cư, công nhân xây dựng di biến động; nhân viên an ninh di biến động và công nhân lâm nghiệp tại địa phương. Tổng quát hơn, dân di biến động (trừ du khách) và công nhân lâm nghiệp xếp hạng cao nhất về chỉ số, trong khi dân địa phương (trừ công nhân lâm nghiệp), du khách có thứ hạng thấp nhất.



Hình 1. Sơ đồ mô tả các hoạt động, các kiểu di cư và di biến động.

Khung hình lớn nhất mô tả các điểm đến rừng (ở trên khu vực rừng núi và đồi rừng, ở dưới khu vực chân đồi và bìa rừng); ở phía bên tay phải, khung gạch ngang dài chứa các chỉ số nguy cơ ảnh hưởng đến các kiểu MMP (dân địa phương, dân di biến động và dân di cư); ở phía bên tay trái, khung gạch ngang ngắn chứa các chỉ số phơi nhiễm và tiếp cận ảnh hưởng đến năm ngành nghề. Mũi tên minh họa các khía cạnh động của PMF



Hình 2. Chỉ số nguy cơ sốt mắc rét của MMP.

Sơ đồ này minh họa các giai đoạn từ một bệnh nhân mắc cảm cho đến một người nhiễm bệnh (tử vong), bị ảnh hưởng bởi các chỉ số nguy cơ và các chỉ số phơi nhiễm và các yếu tố cơ bản của họ và từ một bệnh nhân bị nhiễm bệnh đến các kết quả khác nhau (hồi phục, ác tính, tử vong) chịu ảnh hưởng của chỉ số nguy cơ và chỉ số tiếp cận và các yếu tố cơ bản của họ

4. Kết luận

Bài báo này mô tả quá trình xác định dân di cư và di biến động ở Campuchia, xác định các hoạt động khác nhau và các nguy cơ liên quan đến mắc sốt rét để xây dựng các mục tiêu và biện pháp can thiệp cho các nhóm có nguy cơ mắc sốt rét cao nhất. Các khuôn khổ hoạt động của người dân (PMF) đã được xây dựng nhằm thay đổi hành vi và cách tiếp cận các biện pháp phòng chống sốt rét cho dân di cư và di biến động tốt hơn ở Campuchia.

CN. Trần Nguyên Hùng, ThS. Đoàn Bình Minh
(Lược dịch *Malaria and the mobile and migrant population in Cambodia: a population movement framework to inform strategies for malaria control and elimination*, <http://www.malariajournal.com/content/14/1/252>)